

## **QUY CHẾ**

### **Đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN, ngày 10 tháng 12 năm 2014  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo; công nhận học vị và cấp bằng; nghĩa vụ, quyền lợi của giảng viên và học viên; tài chính cho đào tạo; thanh tra kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Quy chế này không áp dụng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài, do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

#### **Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Đào tạo thạc sĩ chuẩn quốc tế nhằm đào tạo học viên chất lượng cao về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và thị trường lao động quốc tế.

#### **Điều 3. Đơn vị đào tạo thạc sĩ**

1. Đơn vị đào tạo thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội gồm có:

- a) Các trường đại học thành viên (sau đây gọi tắt là các trường);
- b) Các khoa trực thuộc (sau đây gọi tắt là các khoa).

## 2. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo

a) Có thể ban hành quy định, hướng dẫn, quy trình chi tiết thêm cho các nội dung của Quy chế này, phù hợp với đặc thù của đơn vị, báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi thi hành;

b) Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo; tổ chức hoặc tham gia tổ chức tuyển sinh hàng năm theo sự phân công của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; quyết định hoặc đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định (theo phân cấp nhiệm vụ) trúng tuyển và công nhận học viên;

c) Xây dựng/tham gia xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn học liệu, xây dựng kế hoạch giảng dạy các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; đăng kí mở chương trình đào tạo mới khi có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng;

d) Tổ chức và quản lí quá trình đào tạo các chương trình đào tạo đã được phê duyệt khi đăng kí mở ngành, chuyên ngành đào tạo theo quy định;

đ) Quản lí việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật học viên theo quy định; tổ chức cho học viên tham gia trợ giảng, sinh hoạt chuyên môn và nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo; quyết định hoặc đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định (theo phân cấp nhiệm vụ) công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên;

e) Quản lí kinh phí, khai thác, tạo nguồn kinh phí bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lí các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định;

g) Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng kí tham gia kiểm định chất lượng chương trình đào tạo thạc sĩ với cơ quan có thẩm quyền; thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục;

h) Công bố công khai trên trang thông tin điện tử (website) của đơn vị đào tạo: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng

dẫn luận văn, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành); các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định;

i) Thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ hoạt động đào tạo của đơn vị mình theo đúng các quy chế, quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội;

k) Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Quy chế này để quy định chi tiết và công bố công khai các hình thức xử lý những hành vi vi phạm Quy chế của công chức, viên chức, giảng viên, người lao động, học viên;

l) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định;

m) Bồi hoàn học phí cho học viên nếu đơn vị đào tạo vi phạm Quy chế này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng;

n) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **Điều 4. Cơ chế quản lý và tổ chức đào tạo**

1. Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo, điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo cơ chế liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo; phát huy lợi thế chuyên môn hóa, phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị đào tạo; phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung phục vụ đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội; quản lý trực tiếp công tác đào tạo của các khoa.

2. Các đơn vị đào tạo có nhiệm vụ tổ chức và quản lý đào tạo các chuyên ngành theo danh mục chuyên ngành đào tạo của Nhà nước và thí điểm đào tạo các chuyên ngành mới nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Các đơn vị đào tạo thực hiện liên thông, liên kết trong việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo mới có tính liên ngành cao.

3. Căn cứ yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, dựa vào quy hoạch ngành, chuyên ngành đã được phê duyệt, trên cơ sở các điều kiện đảm bảo chất lượng, đơn vị đào tạo chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo các chuyên ngành hiện có, xây dựng những chuyên ngành mới, đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, phê duyệt ban hành chương trình và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

Đối với chuyên ngành được tổ chức đào tạo thí điểm, đơn vị đào tạo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện sau hai khóa đào tạo và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội. Dựa trên kết quả thực hiện thí điểm, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ xem xét, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học chính thức của Nhà nước hoặc tiếp tục thí điểm hoặc dừng tuyển sinh, đào tạo.

4. Các đơn vị đào tạo triển khai hợp tác theo mô hình đơn vị đào tạo - cơ sở sử dụng học viên sau tốt nghiệp (cơ quan, đơn vị, viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, doanh nghiệp,...) để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, gắn đào tạo với nghiên cứu - triển khai sản xuất - kinh doanh đáp ứng yêu cầu xã hội.

5. Hàng năm, các đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về tình hình tổ chức, quản lý và kết quả đào tạo.

6. Các đơn vị trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội sử dụng thống nhất phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo, quản lý người học.

#### **Điều 5. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng đào tạo**

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và phương thức quản lý phải phù hợp và hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực.

2. Ưu tiên đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trước khi mở rộng quy mô đào tạo.

3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu bắt buộc trong đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **Điều 6. Hình thức đào tạo, ngôn ngữ và thời gian đào tạo**

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một đến hai năm học. Cụ thể là:

a) Tối thiểu 1 năm học đối với những ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm học trở lên và khối lượng kiến thức tích lũy được từ 150 tín chỉ trở lên;

b) Từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với những ngành, chuyên ngành không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản này;

c) Căn cứ quy định về chương trình đào tạo tại Khoản 3, Điều 26 Quy chế này, thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể thời gian đào tạo, việc kéo dài thời gian đào tạo phù hợp với từng ngành, chuyên ngành đào tạo. Thời gian đào tạo kéo dài không được quá hai năm so với thời gian quy định tại điểm a, b khoản này và học viên phải đóng học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Hết thời gian đào tạo kể cả thời gian được kéo dài, học viên không hoàn thành chương trình đào tạo sẽ bị buộc thôi học.

## **Chương II** **TUYỂN SINH**

### **Điều 7. Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:

- a) Thi tuyển đối với người Việt Nam;
- b) Xét tuyển đối với người nước ngoài.

2. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức tối đa 2 lần mỗi năm theo lịch trình chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Việc tổ chức thi tuyển sinh được tổ chức tại đơn vị đào tạo. Việc tổ chức thi tuyển sinh ngoài đơn vị đào tạo phải được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép.

4. Các quy định của đơn vị đào tạo về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh phải được đăng trên website của đơn vị đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **Điều 8. Chỉ tiêu tuyển sinh**

1. Trước 30 tháng 6 hàng năm, căn cứ vào năng lực đào tạo của đơn vị và nhu cầu của xã hội, đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành với chương trình đào tạo tương ứng cho năm học tiếp theo, báo cáo và đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội giao chỉ tiêu tuyển sinh cho từng đơn vị. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh được giao, đơn vị đào tạo phân bổ chỉ tiêu cho các chuyên ngành đào tạo của đơn vị mình và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh của năm nào được thực hiện trong năm đó, không chuyển sang năm sau.

### **Điều 9. Các môn thi tuyển sinh**

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi, do thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định và được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Môn ngoại ngữ và trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho người dự tuyển vào chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài) được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của học viên trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Khoản 4, Điều 29 Quy chế này;

b) Hai môn thi khác, trong đó có một môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Mỗi môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học;

c) Đơn vị đào tạo có thể thay một môn thi quy định tại Điểm b Khoản này bằng đánh giá năng lực khác phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo. Việc thay thế này (nếu có) phải được thực hiện đối với tất cả các thí sinh dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo.

2. Các môn thi tuyển sinh, phương thức đánh giá năng lực thí sinh quy định tại Khoản 1, Điều này phải được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức đánh giá năng lực thí sinh do thủ trưởng đơn vị đào tạo lựa chọn theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi thông báo tuyển sinh.

3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của đơn vị đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của

Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Khoản 4, Điều 29 Quy chế này, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận. Ngày cấp chứng chỉ tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày thi. Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức nước ngoài cấp trước khi công nhận tương đương.

### **Điều 10. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi**

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành (tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành (tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này), hoặc hai chương trình đào tạo bậc đại học khác nhau trên 40% cả về nội dung và thời lượng.

4. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý và liên ngành do thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành,

chuyên ngành trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi danh mục này do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và trình Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi tổ chức tuyển sinh.

### **Điều 11. Tổ chức học bổ sung kiến thức**

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác hoặc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 10 Quy chế này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Người học phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với trình độ đại học.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức được ghi rõ trong hồ sơ đăng ký mở ngành, chuyên ngành đào tạo.

3. Việc tổ chức bổ sung kiến thức và cấp giấy chứng nhận kèm theo bằng điểm cho các thí sinh đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức do các đơn vị đào tạo có ngành đào tạo đại học tương ứng thực hiện.

4. Lịch tổ chức bổ sung kiến thức và các quy định về chương trình bổ sung kiến thức được thông báo công khai trên website của đơn vị tổ chức bổ sung kiến thức ít nhất 15 ngày trước khi tổ chức bổ sung kiến thức.

### **Điều 12. Đối tượng và điều kiện dự thi**

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng những điều kiện sau:

#### **1. Về văn bằng**

a) Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Quy chế này;

b) Tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 11, Quy chế này;

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Quy chế này có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 11, Quy chế này;

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;



đ) Căn cứ vào điều kiện của đơn vị đào tạo và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể về điều kiện văn bằng của thí sinh dự thi.

e) Đối với chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, văn bằng đại học phải là văn bằng chương trình đào tạo chính quy.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Tùy theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo, trên cơ sở đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể điều kiện về thời gian làm việc chuyên môn để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trước khi đăng ký dự thi. Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lí thì phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lí nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 13, Quy chế này, thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của đơn vị đào tạo.

### **Điều 13. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

#### **1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

## 2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi không chủ chốt hoặc đánh giá năng lực quy định tại Điểm b, c, Khoản 1, Điều 9, Quy chế này, do đơn vị đào tạo quy định.

### **Điều 14. Thông báo tuyển sinh**

1. Chậm nhất ba tháng trước ngày thi tuyển sinh, đơn vị đào tạo ra thông báo tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh phải được niêm yết tại bảng tin và đăng trên website của đơn vị đào tạo; thông tin trên báo và đăng trên website của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự thi; danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành đào tạo; các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm đánh giá năng lực quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 9, Quy chế này (nếu có); môn thi hoặc kiểm tra được cộng điểm ưu tiên; hồ sơ đăng ký dự thi; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch thi tuyển; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khóa học và thời gian đào tạo; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

### **Điều 15. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi**

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; việc lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện theo quy định của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi phải được công bố công khai trên website của đơn vị đào tạo chậm nhất 3 tuần trước khi thi môn thi đầu tiên.

## **Điều 16. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc**

1. Việc tổ chức thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ được tổ chức thống nhất đối với các chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng.

Hàng năm, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh thạc sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội (gọi tắt là Ban chỉ đạo tuyển sinh). Ban Đào tạo là đơn vị thường trực của Ban chỉ đạo tuyển sinh, là đầu mối để thực thi việc chỉ đạo, giám sát, kiểm tra của Đại học Quốc gia Hà Nội về công tác tuyển sinh và giải quyết các vấn đề phát sinh.

### **2. Hội đồng tuyển sinh**

Hội đồng tuyển sinh do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định thành lập và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Thủ trưởng đơn vị đào tạo hoặc cấp phó của thủ trưởng đơn vị đào tạo được cấp trưởng uỷ quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng: Cấp phó của thủ trưởng đơn vị đào tạo;

c) Uỷ viên thường trực: trưởng hoặc phó đơn vị quản lý đào tạo sau đại học;

d) Các uỷ viên: một số trưởng hoặc phó đơn vị (phòng, khoa, bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

đ) Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

### **3. Nhiệm vụ của hội đồng tuyển sinh**

Hội đồng tuyển sinh của các đơn vị có nhiệm vụ điều hành những công việc liên quan đến công tác tuyển sinh thuộc trách nhiệm của đơn vị mình gồm:

- Tổ chức thông báo tuyển sinh;

- Thu nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ thí sinh đăng kí dự thi theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và điều kiện dự thi. Thu nhận bản gốc các chứng chỉ ngoại ngữ cần thẩm định và chuyển cho Trường Đại học Ngoại ngữ thẩm định trước khi thi;

- Cung cấp cho thí sinh đăng kí dự thi đề cương các môn thi tuyển;

- Tổ chức cho thí sinh dự thi theo đúng trách nhiệm được phân công;

- Việc xét tuyển, quyết định công nhận hoặc đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học viên được thực hiện theo phân cấp nhiệm vụ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Thực hiện các phần việc khác liên quan tới công tác tuyển sinh do Ban chỉ đạo tuyển sinh Đại học Quốc gia Hà Nội phân công.

4. Các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh do chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập bao gồm: Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Chấm kiểm tra, Ban Phúc khảo, Ban Cơ sở vật chất. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng thực hiện theo quy định của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

6. Người mà bản thân tham dự thi một trong hai đợt của năm hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia hội đồng tuyển sinh hoặc các ban giúp việc cho hội đồng.

### **Điều 17. Đề thi tuyển sinh**

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các yêu cầu:

a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

b) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của đơn vị đào tạo, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học;

c) Phù hợp với thời gian làm bài quy định cho mỗi môn thi.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo đề nghị dạng thức đề thi đối với các môn thi không phải là ngoại ngữ, trình Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định ban hành. Dạng thức đề thi môn ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ đề xuất, trình Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định ban hành. Dạng thức đề thi ngoại ngữ phải đảm bảo xác định được trình độ ngoại ngữ theo quy định của đơn vị đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành chung cho tất cả các ngành, chuyên ngành, căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, phó giáo sư, giáo sư;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi.

#### 4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trường môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Đề thi đánh giá năng lực có quy định cụ thể theo văn bản hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của đơn vị đào tạo và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo.

9. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định của đơn vị đào tạo; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi.

## **Điều 18. Tổ chức thi tuyển sinh**

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi phải đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh.

3. Khu vực thi phải được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/ tối đa 30 thí sinh.

4. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

## **Điều 19. Chấm thi tuyển sinh**

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trưởng ban chấm thi, Trưởng ban chấm phúc khảo, Trưởng ban chấm kiểm tra chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng quy định của Quy chế này, Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội và phải kịp thời báo cáo với chủ tịch hội đồng tuyển sinh của đơn vị và Ban chỉ đạo tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

4. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho một đơn vị đào tạo hoặc một đơn vị chuyên môn đúng chuyên ngành thành lập hội đồng chấm thẩm định một phần hoặc toàn bộ số bài thi tuyển sinh. Hội đồng này có tối thiểu 3 người, làm việc theo nguyên tắc nhất trí, có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa hội đồng chấm thẩm định bài thi tuyển sinh với các

cán bộ chấm thi, chấm phúc khảo hoặc yêu cầu giải trình trước khi kết luận điểm thi do chủ tịch hội đồng chấm thẩm định quyết định.

## **Điều 20. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển**

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi, đánh giá năng lực (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo và tổng điểm hai môn thi, đánh giá năng lực của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh đề nghị điểm trúng tuyển cho từng ngành, chuyên ngành. Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt điểm trúng tuyển cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ;

d) Người có bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được thủ trưởng đơn vị đào tạo căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học, trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển theo Điều 23 Quy chế này; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

## **Điều 21. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên**

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo thủ trưởng đơn vị đào tạo kết quả thi tuyển, xét tuyển; trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định thủ trưởng đơn vị đào tạo dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt. Căn cứ điểm trúng tuyển đã được phê duyệt, thủ trưởng các đơn vị ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển của đơn vị mình. Danh sách thí sinh trúng tuyển phải được thông báo công khai trên website của đơn vị đào tạo.

Đối với những chuyên ngành được phê duyệt điểm chuẩn theo ngành, thí sinh trúng tuyển có thể đổi chuyên ngành đào tạo trong cùng ngành học khi nhập học nếu có lý do chính đáng; thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng sau khi quyết định cho học viên đổi chuyên ngành đào tạo.

2. Đơn vị đào tạo gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày. Thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển, nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học.

3. Chậm nhất một tuần sau khi nhập học, học viên phải khai báo đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (theo hệ thống thông tin tích hợp trong phần mềm quản lý đào tạo) và của đơn vị đào tạo.

4. Hiệu trưởng các trường ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Chủ nhiệm các khoa đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học tại đơn vị mình.

## **Điều 22. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh**

1. Đại học Quốc gia Hà Nội kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh của các hội đồng tuyển sinh theo các quy định hiện hành.

2. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Đại học Quốc gia Hà Nội. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại đơn vị mình theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Những người bản thân tham gia dự thi hoặc có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ trong cùng năm không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

## **Điều 23. Xét tuyển người nước ngoài**

Việc xét tuyển người nước ngoài hoặc người Việt Nam có quốc tịch nước ngoài vào học thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội được thực hiện theo quy định riêng.



### **Chương III**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 24. Ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo**

1. Ngành đào tạo thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội được xác định trên cơ sở ngành đào tạo trình độ đại học.

2. Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ được xác định theo danh mục chuyên ngành đào tạo thạc sĩ hiện hành của nhà nước hoặc được đề xuất phù hợp với phân loại khoa học các chuyên ngành thí điểm (chưa có trong danh mục của nhà nước). Chuyên ngành mang tính đơn ngành được xác định phân nhánh từ một ngành đào tạo. Chuyên ngành mang tính liên ngành được xác định từ các ngành/ chuyên ngành đào tạo khác nhau.

3. Chương trình đào tạo thạc sĩ là hệ thống các học phần được sắp xếp theo cấu trúc quy định, thể hiện mục tiêu đào tạo thạc sĩ, phù hợp và hướng đến chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Chương trình đào tạo quy định rõ hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần. Chương trình đào tạo được xác định cho một chuyên ngành đào tạo. Đại học Quốc gia Hà Nội có các loại chương trình đào tạo sau:

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội, gồm 2 loại:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu;
- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn quốc tế;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, được chia thành 2 loại:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

(Các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài, do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này).

d) Chương trình đào tạo thạc sĩ chất lượng cao (được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định riêng).

### **Điều 25. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo**

1. Chuyên ngành có nhu cầu xã hội cao, được minh chứng qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng học viên sau tốt nghiệp, hoặc minh chứng thuyết phục dự báo về nhu cầu sử dụng nhân lực trong tương lai gần.

2. Phù hợp với chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị, phù hợp với thế mạnh của đơn vị đào tạo và được phê duyệt trong quy hoạch ngành, chuyên ngành của Đại học Quốc gia Hà Nội; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

3. Ưu tiên xây dựng các chương trình đào tạo có tính liên ngành, mới, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết trong Đại học Quốc gia Hà Nội; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng học viên sau tốt nghiệp.

4. Đối với chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục chuyên ngành đào tạo nhà nước, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thuyết minh thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học ở nước ngoài.

5. Xây dựng chương trình theo yêu cầu chuẩn đầu ra và theo đúng quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội về cấu trúc, lượng kiến thức, kỹ năng của một chương trình đào tạo.

6. Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có và khả năng bổ sung của Đại học Quốc gia Hà Nội, của đơn vị đào tạo, thu hút và khai thác được nguồn lực của các cơ sở sử dụng học viên sau tốt nghiệp, các nhà tài trợ, nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác.

7. Phát huy được hiệu quả hợp tác quốc tế để hoàn thiện chương trình đào tạo và phương thức tổ chức, quản lý đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, nhanh chóng chuẩn quốc tế về nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo và hệ thống văn bằng.

### **Điều 26. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo**

Khi xây dựng chương trình đào tạo, đơn vị đào tạo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Dựa vào quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo đã được phê duyệt, năng lực, điều kiện, định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị đào tạo và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ đối với chương trình đào tạo một năm học; 45 tín chỉ đối với chương trình đào tạo một năm rưỡi và 60 tín chỉ đối với chương trình đào tạo hai năm học.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

### **Điều 27. Yêu cầu của chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội là chương trình đào tạo áp dụng đại trà, được xây dựng theo yêu cầu kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn quốc tế là chương trình đào tạo được xây dựng dựa vào chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến, có uy tín cao, thuộc nhóm 500 trường đại học hàng đầu trên thế giới, theo xếp hạng của THES, QS hoặc tương đương (ưu tiên các trường thuộc nhóm 200), đã được kiểm định quốc tế bởi một tổ chức kiểm định có uy tín trên thế giới (như kiểm định ABET đối với các ngành, chuyên ngành xây dựng và công nghệ, AACSB đối với các ngành, chuyên ngành quản trị và các loại tương tự đối với các ngành, chuyên ngành khác) và được bổ sung các học phần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ liên quan và Đại học Quốc gia Hà Nội, phù hợp với khả năng, điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

3. Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng là chương trình được xây dựng theo quy định của Đại học Quốc gia

Hà Nội, tham khảo có chọn lọc chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài nhằm bổ sung những nội dung thiết yếu, đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế của Việt Nam;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng là chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự thống nhất giữa đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với đối tác nước ngoài, đáp ứng các yêu cầu kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **Điều 28. Cấu trúc của chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

a) Phần kiến thức chung: bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ

- Học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Học phần ngoại ngữ: là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy.

b) Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Thủ trưởng đơn vị đào tạo phải tổ chức xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn;

c) Luận văn:

- Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu: có khối lượng tối thiểu 10 tín chỉ;

- Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng: có khối lượng tối thiểu 7 tín chỉ.

d) Tùy theo chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hay theo định hướng ứng dụng, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn trong chương trình đào tạo.

2. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn quốc tế

Phần kiến thức chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó kiến thức tiếng Anh đạt yêu cầu của chương trình chuẩn quốc tế, được đào tạo theo phương pháp và thời gian phù hợp, tạo tiền đề tốt cho việc đào tạo chuyên môn bằng ngoại ngữ ở giai đoạn sau.

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn quốc tế phải kế thừa có chọn lọc chương trình đào tạo của trường đại học đối tác, trong đó có ít nhất 50% số môn học thuộc khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành từ chương trình đào tạo của trường đại học đối tác. Đối với các chuyên ngành đào tạo mang tính đặc thù, tỉ lệ này có thể thấp hơn, nhưng không dưới 30%. Ngôn ngữ giảng dạy cho các môn học thuộc khối kiến thức nhóm chuyên ngành và chuyên ngành là tiếng Anh; luận văn thạc sĩ được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh. Trường hợp sử dụng ngoại ngữ không phải tiếng Anh do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

### 3. Chương trình liên kết quốc tế

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được thiết kế như chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội theo định hướng nghiên cứu quy định tại Khoản 1, Điều này;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng được thiết kế theo văn bản thỏa thuận hợp tác giữa đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài nhưng phải phù hợp với cấu trúc của chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **Điều 29. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

1. Chuẩn đầu ra là chuẩn về năng lực, kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức mà học viên cần đạt tới để được tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, từng chuyên ngành đào tạo.

2. Xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo để công khai với xã hội và học viên; lấy đó làm cơ sở xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, quản lý đào tạo, phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

### 3. Chuẩn đầu ra bao gồm các chuẩn sau:

a) Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn;

b) Chuẩn về kỹ năng:

- Kỹ năng nghề nghiệp,

- Kỹ năng bổ trợ;
- c) Chuẩn về phẩm chất đạo đức:
  - Trách nhiệm công dân;
  - Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ;
  - Thái độ tích cực, yêu nghề;
- d) Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp;
- đ) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;
- e) Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

4. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của các chương trình đào tạo thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội quy định như sau:

a) Tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với chương trình thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

c) Tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn quốc tế;

d) Đối với các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị đối tác cùng cấp bằng, chuẩn ngoại ngữ đầu ra được thực hiện theo văn bản thỏa thuận hợp tác nhưng không được thấp hơn bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo xây dựng chuẩn đầu ra chi tiết và định lượng cho từng chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các cơ sở sử dụng học viên sau tốt nghiệp, cựu học viên,... hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo.

### **Điều 30. Điều kiện mở chương trình đào tạo**

1. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn

a) Có đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đào tạo trình độ đại học chính quy ngành tương ứng hoặc nhóm ngành tương ứng (đối với chuyên ngành mang tính liên ngành) với chuyên ngành đào tạo và có ít nhất 2 khóa sinh viên đã tốt nghiệp;

b) Với các ngành, chuyên ngành có trong danh mục đào tạo của Nhà nước: có tối thiểu 05 giảng viên cơ hữu của đơn vị đào tạo có bằng tiến sĩ cùng ngành, trong đó ít nhất có 3 tiến sĩ cùng chuyên ngành; với các chương trình thí điểm, liên ngành, liên lĩnh vực: có tối thiểu 06 giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó có ít nhất 03 giảng viên là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo đáp ứng các yêu cầu: có bằng tiến sĩ; có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đào tạo; có ít nhất 3 công trình nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo đã công bố trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, có uy tín ở trong nước hoặc nước ngoài trong vòng 5 năm tính đến khi lập hồ sơ mở chuyên ngành. Giảng viên cơ hữu của đơn vị đào tạo đảm nhận giảng dạy trên 70% chương trình đào tạo của đơn vị;

c) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ; cụ thể là:

- Đơn vị đào tạo có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành đề nghị được đào tạo;

- Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo có đủ nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình, và tạp chí trong và ngoài nước) được xuất bản trong 5 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện luận văn;

- Đơn vị đào tạo có website được cập nhật thường xuyên, công bố cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai thu chi tài chính;

d) Đơn vị đào tạo có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực chuyên ngành đề nghị được đào tạo;

đ) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ;

e) Đã xây dựng chương trình đào tạo và đề cương các học phần;

g) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị được đào tạo chuyên ngành trình độ thạc sĩ;

h) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định đơn vị đầu mỗi tổ chức đào tạo đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ mang tính liên ngành, liên lĩnh vực và liên quan tới nhiều đơn vị.

## 2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn quốc tế

a) Đạt các điều kiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều này;

b) Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ khoa học phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

- Đội ngũ cán bộ quản lý có tư duy, phương pháp và kỹ năng quản trị đại học tiên tiến, sử dụng tốt công nghệ thông tin và ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) trong công tác, có thể giao tiếp với đối tác nước ngoài; có năng lực tạo ra môi trường học thuật, làm việc thuận lợi cho học tập, nghiên cứu, sáng tạo;

- Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiên tiến; có năng lực khai thác các phương tiện giảng dạy và nghiên cứu tiên tiến; có năng lực ngoại ngữ tốt để giảng dạy và trao đổi chuyên môn bằng ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh);

c) Có đơn vị đối tác là trường đại học nước ngoài hoặc viện nghiên cứu (gọi chung là trường đối tác) để đơn vị đào tạo có thể hợp tác, liên kết đào tạo hoặc tham khảo xây dựng chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu. Trường đối tác phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Thuộc nhóm có thứ hạng cao (ưu tiên nhóm 200) trường đại học hàng đầu trên thế giới, có các ngành, chuyên ngành tương ứng ở thứ hạng cao;

- Có các chuyên gia có thể tư vấn xây dựng chương trình đào tạo và tham gia giảng dạy, nghiên cứu các nội dung khoa học của ngành, chuyên ngành liên quan tại đơn vị;

- Đã có quan hệ hợp tác hoặc sẵn sàng hợp tác với đơn vị;

d) Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý, thu hút các nhà khoa học xuất sắc trong và ngoài nước đến làm việc tại đơn vị.

## 3. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng: điều kiện mở chương trình đào tạo được thực hiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn được quy định tại Khoản 1, Điều này;



b) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng: điều kiện mở chương trình đào tạo được thực hiện như đối với chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được quy định tại Điểm a, Khoản này.

### **Điều 31. Thẩm quyền xây dựng, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo**

1. Dựa trên các điều kiện quy định ở Điều 30, các đơn vị tổ chức xây dựng đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo. Đối với ngành mở mới chưa có trong danh mục ngành, chuyên ngành quy hoạch được phê duyệt, đơn vị đào tạo trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt chủ trương trước khi xây dựng đề án.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần triết học theo đúng quy định, được hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, việc xây dựng chương trình đào tạo phải có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân đang công tác trong lĩnh vực sử dụng lao động sau đào tạo.

4. Sau mỗi khoá học, thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình hiện hành về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

### **Điều 32. Đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo và thu hồi giao nhiệm vụ đào tạo**

#### 1. Đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo

Đơn vị đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ quy định tại Điều 30, Quy chế này;

b) Không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp;

c) Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa điểm đã được phép;

d) Vi phạm quy định của pháp luật.

Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định đình chỉ tuyển sinh, trong đó nêu rõ lí do đình chỉ tuyển sinh, thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của học viên, giảng viên. Sau khi khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh, đơn vị đào tạo có thể đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định cho phép tuyển sinh trở lại.

## 2. Thu hồi quyết định giao nhiệm vụ đào tạo

Đơn vị đào tạo bị thu hồi quyết định giao nhiệm vụ đào tạo khi có gian lận để được giao nhiệm vụ đào tạo; vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lí, tổ chức, đào tạo; hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh chuyên ngành đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh; không đạt tiêu chuẩn tại các kì kiểm định chất lượng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội; vi phạm quy định của pháp luật.

Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thu hồi nhiệm vụ đào tạo, trong đó nêu rõ lí do thu hồi, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của học viên, giảng viên.

## **Chương IV**

### **HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

#### **Điều 33. Phân công giảng dạy các học phần tại Đại học Quốc gia Hà Nội**

1. Các học phần thuộc phần kiến thức chung được tổ chức giảng dạy chung trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ chịu trách nhiệm giảng dạy học phần Ngoại ngữ; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chịu trách nhiệm giảng dạy học phần Triết học.

2. Các học phần thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành được tổ chức giảng dạy chung trong đơn vị đào tạo. Trường hợp nhiều đơn vị đào tạo có cùng một học phần, đơn vị đào tạo nào quản lí học phần sẽ chịu trách nhiệm giảng dạy học phần đó.

#### **Điều 34. Tổ chức đào tạo**

1. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

Riêng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, đơn vị đào tạo có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3, Điều 6, Quy chế này. Trong trường hợp này, thời gian để hoàn thành khóa học theo kế hoạch phải dài hơn thời gian thiết kế để hoàn thành chương trình đào tạo và phải tuân thủ quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6, Quy chế này.

Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho hệ đại học chính quy của cơ sở đào tạo, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan.

2. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

3. Đầu khóa học, đơn vị quản lý đào tạo phải thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình, kế hoạch học tập, kế hoạch kiểm tra, thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn, các quy định của đơn vị đào tạo có liên quan đến khóa học.

Đề cương chi tiết học phần phải nói rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần, các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của đơn vị đào tạo.

4. Đơn vị đào tạo không bắt buộc học viên phải đăng ký học phần ngoại ngữ tại đơn vị mình. Nếu học viên có nhu cầu học ngoại ngữ, đơn vị đào tạo phải tổ chức lớp học phần và phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức giảng dạy.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế... để đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho người học phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo.

### **Điều 35. Tổ chức lớp học**

#### **1. Lớp khóa học**

a) Lớp khóa học được tổ chức cho những học viên cùng một chương trình đào tạo trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học. Trường hợp học viên được phép nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tập được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã học viên đã được cấp;

b) Đơn vị đào tạo bố trí cán bộ phụ trách để quản lí lớp khóa học;

c) Lớp khóa học có mã hiệu theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường hợp một chuyên ngành được tổ chức đào tạo tại nhiều đơn vị trong cùng một năm, tên lớp khóa học bổ sung mã số đơn vị.

## 2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được tổ chức cho những học viên đăng kí học cùng một học phần trong cùng một học kì. Đơn vị đào tạo phụ trách học phần có trách nhiệm thành lập và quản lí lớp học phần;

b) Đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy các học phần thuộc thẩm quyền quản lí của đơn vị mình theo lớp học phần. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định số lượng học viên tối thiểu cho mỗi lớp học phần tùy theo từng học phần, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của đơn vị. Lớp học phần sẽ không được tổ chức nếu số học viên đăng kí ít hơn số lượng tối thiểu đã quy định; khi đó học viên có thể đăng kí học học phần khác hoặc đăng kí vào những học kì sau;

c) Giảng viên của học phần trực tiếp phụ trách lớp học phần;

d) Tên lớp học phần được gọi theo mã số học phần. Trường hợp một học phần có nhiều lớp học phần, tên lớp học phần bổ sung số thứ tự lớp học phần. Trường hợp một học phần có nhiều đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy, tên lớp học phần bổ sung mã số đơn vị.

## **Điều 36. Đăng kí học tập**

1. Số tín chỉ tối thiểu đăng kí học trong mỗi học kì (trừ học kỳ cuối cùng):

a) Chương trình đào tạo chuẩn: 12 tín chỉ;

b) Chương trình đào tạo chất lượng cao, chuẩn quốc tế: 15 tín chỉ;

c) Chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác cùng cấp bằng: theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác.

Trường hợp học viên có nguyện vọng đăng kí học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kì phải được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

## 2. Đăng kí học các học phần

a) Việc tổ chức đăng kí học các học phần trong chương trình đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Học viên được đăng kí học và thi các học phần trong chương trình đào tạo do bất kì một đơn vị đào tạo nào thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức giảng dạy. Kết quả các học phần này được chuyển đổi và được thừa nhận ở tất cả các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và trên website của đơn vị về kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của các học phần trước thời gian đăng kí học để học viên trong và ngoài đơn vị biết, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên của đơn vị khác đăng kí học phần, chuyển dữ liệu đăng kí học phần, dữ liệu điểm học phần của học viên tới đơn vị đào tạo quản lí học viên ngay sau khi kết thúc thời gian đăng kí học và kết thúc việc chấm thi;

c) Tất cả các đơn vị đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội sử dụng thống nhất phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lí đào tạo, quản lí học viên.

d) Sinh viên học các chương trình tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội khi trúng tuyển vào bậc thạc sĩ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội có thể được miễn một số môn học đặc thù đã được học nâng cao ở bậc đại học. Thủ trưởng các đơn vị đào tạo thạc sĩ xem xét quyết định học phần được miễn học và điểm của học phần được miễn học đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo và từng đối tượng sinh viên theo các tiêu chí: môn học ở bậc đại học gần tương đương với môn học ở bậc thạc sĩ hoặc học phần ở bậc đại học đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần ở bậc thạc sĩ.

### đ) Tích lũy trước tín chỉ đối với sinh viên đại học

Sinh viên chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, chuẩn quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, đã học ít nhất 4 học kỳ được đăng ký học tích lũy trước một số tín chỉ thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ ngành, chuyên ngành đúng hoặc phù hợp nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Phải được sự đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng đơn vị đào tạo mà sinh viên đang theo học;

- Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 trở lên.

Các đơn vị đào tạo thạc sĩ tổ chức cho sinh viên đủ điều kiện học tích lũy trước tín chỉ được tham gia học tập theo hình thức tập trung cùng với lớp của các học viên.

Trong một học kỳ, sinh viên chỉ được đăng ký học tối đa 3 học phần của

chương trình đào tạo thạc sĩ. Kết quả học tập các học phần được bảo lưu khi sinh viên trúng tuyển vào bậc thạc sĩ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội trong năm tốt nghiệp đại học.

### 3. Thời gian đăng kí học phần và đề tài luận văn

a) Các học phần trong chương trình đào tạo được đăng kí học theo học kì;

b) Đề tài luận văn và cán bộ hướng dẫn luận văn cho học viên được đơn vị chuyên môn đề nghị và thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 06 tháng;

c) Việc thay đổi đề tài luận văn do thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý và phải được thực hiện tối thiểu 6 tháng trước khi bảo vệ luận văn. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

### 4. Đăng kí học lại

a) Đối với các học phần bắt buộc, nếu bị điểm F, học viên phải đăng kí học và kiểm tra lại học phần đó;

b) Đối với học phần tự chọn, nếu bị điểm F, học viên đăng kí học lại học phần đó hoặc đăng kí học học phần tự chọn khác cùng phần kiến thức để thay thế.

### 5. Đăng kí học cải thiện điểm

Đối với các học phần đạt điểm D hoặc D+, học viên được đăng kí học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học phần cũ bị hủy bỏ khi việc đăng kí học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm học phần để cải thiện điểm.

### 6. Đăng kí học phần được bảo lưu

Đối với học viên đã có bằng thạc sĩ, học viên chuyên cơ sở đào tạo, học viên ngừng học, căn cứ chương trình đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định những học phần được bảo lưu. Điểm các học phần được bảo lưu phải xác định trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập chương trình mới. Trong thời hạn đăng kí học phần, học viên chỉ cần đăng kí khối lượng học tập những học phần không được bảo lưu trong chương trình đào tạo.

### 7. Kết quả đăng kí học phần

Đơn vị đào tạo thông báo kết quả đăng kí học phần cho học viên khi đã hoàn thành việc đăng kí đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kì theo quy định.

Kết quả đăng kí học phần chỉ được chấp nhận sau khi học viên đã hoàn thành các khoản kinh phí cần nộp theo quy định.

8. Thời hạn bảo lưu kết quả học phần do đơn vị đào tạo quản lí học phần quy định nhưng không quá 3 năm tính từ ngày thi kết thúc học phần.

### **Điều 37. Thi, kiểm tra, đánh giá**

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được năng lực của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra học phần phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

g) Trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được quy định trong đề cương học phần và được công bố cho học viên biết ngay khi bắt đầu học học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60%.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định và giao nhiệm vụ cho các giảng viên học phần và các bộ phận liên quan tổ chức kiểm tra và thi kết thúc học phần.

Đối với học phần ngoại ngữ: Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại đơn vị đào tạo). Học phần ngoại ngữ được đánh giá theo hai mức: đạt và không đạt.

3. Các điểm bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10, lẻ đến 0,5. Điểm học phần được tính theo trọng số và làm tròn đến một chữ số thập phân và được chuyển thành điểm chữ với các mức như sau:

9,0 – 10	tương ứng với	A <sup>+</sup>
8,5 – 8,9	tương ứng với	A
8,0 – 8,4	tương ứng với	B <sup>+</sup>
7,0 – 7,9	tương ứng với	B
6,5 – 6,9	tương ứng với	C <sup>+</sup>
5,5 – 6,4	tương ứng với	C
5,0 – 5,4	tương ứng với	D <sup>+</sup>
4,0 – 4,9	tương ứng với	D
Dưới 4,0	tương ứng với	F

Học viên không dự kiểm tra, không dự thi kết thúc học phần mà không có lí do chính đáng sẽ nhận điểm không (điểm 0). Điểm đạt yêu cầu của học phần là điểm D trở lên.

4. Đối với những học phần vì lí do chính đáng (được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận) mà chưa có đủ dữ liệu để xác định điểm (do thiếu điểm kiểm tra, thiếu điểm thi kết thúc học phần), thì khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu I (điểm I). Học viên có học phần điểm I phải dự kiểm tra bổ sung, dự thi kết thúc học phần bổ sung theo sự sắp xếp của đơn vị đào tạo để có đủ dữ liệu cho việc xác định điểm. Học phần nào chưa nhận được kết quả học tập của học viên, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu X (điểm X). Khi có đầy đủ dữ liệu và nhận được kết quả học tập của học viên, điểm I, điểm X sẽ được thay thế bằng điểm tương ứng.

Đối với những học phần được bảo lưu khi chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

5. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải được thông báo cho học viên chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày thi kết thúc học phần, trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Điểm học phần phải được ghi vào bảng điểm học tập của học viên theo mẫu thống nhất do đơn vị đào tạo quy định. Điểm học phần của học viên phải được lưu trong sổ điểm chung của đơn vị đào tạo.



6. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định việc bảo quản và lưu giữ bài thi và các hồ sơ liên quan đến bài thi.

### **Điều 38. Điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ các học phần được quy đổi sang thang điểm 4 như sau:

A <sup>+</sup>	tương ứng với	4,0
A	tương ứng với	3,7
B <sup>+</sup>	tương ứng với	3,5
B	tương ứng với	3,0
C <sup>+</sup>	tương ứng với	2,5
C	tương ứng với	2,0
D <sup>+</sup>	tương ứng với	1,5
D	tương ứng với	1,0
F	tương ứng với	0

Điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kì hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a<sub>i</sub>: là điểm của học phần thứ i

n<sub>i</sub>: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kì hoặc tổng số môn học đã tích lũy.

Điểm trung bình chung học kì được sử dụng trong việc xét khen thưởng sau mỗi học kì. Điểm trung bình chung tích lũy được sử dụng trong việc xét cấp sinh hoạt phí, học bổng sau mỗi năm học, xét cho bảo vệ luận văn, xét khen thưởng cuối khoá và các tiêu chí thi đua khác.

2. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 2,0 trở lên đối với chương trình chuẩn, 2,5 trở lên đối với chương trình chuẩn quốc tế thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới C hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ trong các trường hợp sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Các trường hợp có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ của các chương trình đào tạo quy định tại Khoản 4, Điều 29 Quy chế này. Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức nước ngoài cấp trước khi công nhận tương đương;

đ) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép; trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu đạt từ bậc 3 hoặc tương đương đối với chương trình đào tạo chuẩn, bậc 4 đối với các chương trình đặc biệt theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; học viên được học, viết và bảo vệ luận văn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

e) Học viên là người nước ngoài.

### **Điều 39. Xử lý học vụ**

Sau mỗi học kì, đơn vị đào tạo thực hiện xử lý học vụ.

#### **1. Cảnh báo học vụ**

Đầu mỗi học kì (từ học kỳ thứ 2 trở đi), đơn vị đào tạo cảnh báo cho những học viên có điểm trung bình chung học kì đạt từ 0,8 đến dưới 0,85 đối với học kì đầu của khóa học; đạt từ 1,0 đến dưới 1,1 trong các học kì tiếp theo hoặc đạt từ 1,1 đến dưới 1,2 trong 2 học kì liên tiếp.

## 2. Nghỉ học tạm thời

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, đơn vị đào tạo chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời những học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại đơn vị đào tạo, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 trở lên đối với chương trình đào tạo chuẩn, 2,5 đối với các chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình chất lượng cao và không bị kỷ luật;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6 Quy chế này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6 Quy chế này;

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể thủ tục xin nghỉ, thẩm quyền cho nghỉ và việc tiếp nhận học viên trở lại học tập sau thời gian nghỉ học tạm thời;

d) Học viên được cho thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

- Có đơn tự nguyện xin thôi học trong thời gian đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Quy chế này;

- Vượt quá thời gian tối đa được phép học theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6 Quy chế này;

- Vi phạm quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 58 Quy chế này;

- Tự ý nghỉ học mà không báo cáo cho đơn vị đào tạo trong thời gian một học kỳ trở lên.

## 3. Chuyển cơ sở đào tạo

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại cơ sở đào tạo, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này;

b) Điều kiện được chuyển cơ sở đào tạo: cơ sở đào tạo chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo của học viên phải được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đi và nơi chuyển đến;

c) Học viên không được chuyển cơ sở đào tạo khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

d) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến; thủ tục xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình của hai cơ sở đào tạo.

4. Hiệu trưởng trường đại học quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội việc cho chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên chuyển đến đơn vị mình. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định việc cho chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên của các khoa trực thuộc.

#### **Điều 40. Chuyển đổi chương trình đào tạo**

1. Học viên được chuyển từ chương trình chuẩn quốc tế sang chương trình đào tạo chuẩn trong trường hợp điểm thi lần đầu của một học phần thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành dưới điểm C<sup>+</sup> hoặc bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên; hoặc không tham gia sinh hoạt chuyên môn quá 6 tháng, không báo cáo về tiến độ và kết quả nghiên cứu. Trong trường hợp không có chương trình chuẩn tương ứng, đơn vị đào tạo áp dụng Điều 39 Quy chế này.

2. Học viên thuộc một trong các trường hợp sau đây không được cấp bằng chương trình đào tạo chuẩn quốc tế và được chuyển sang xét tốt nghiệp và cấp bằng chương trình đào tạo chuẩn:

a) Có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học dưới 2,5 (tính trung bình các điểm thi lần đầu);

b) Không đạt chuẩn về ngoại ngữ là bậc 5;

c) Gia hạn quá 6 tháng so với thời hạn theo quy định.

## Chương V

### LUẬN VĂN VÀ ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN

#### Điều 41. Yêu cầu đối với luận văn

##### 1. Đối với chương trình đào tạo chuẩn

a) Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học, công nghệ hoặc quản lí cụ thể do học viên trao đổi cùng người dự kiến phân công hướng dẫn xác định và được bộ môn hoặc hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo (hoặc khoa chuyên môn của trường thành viên) thông qua, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn;

b) Học viên phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 1 tháng sau khi nhận đề tài luận văn. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận văn;

c) Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính học viên, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Phải tường minh và hợp pháp trong việc sử dụng kết quả, trích dẫn tài liệu của người khác;

d) Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lí thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập;

##### 2. Đối với chương trình đào tạo chuẩn quốc tế

Luận văn các chương trình đào tạo chuẩn quốc tế phải đạt các điều kiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều này. Ngoài ra, luận văn còn phải đạt các yêu cầu sau:

a) Được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh trước hội đồng đánh giá luận văn;

b) Luận văn phải có ít nhất một kết quả mới được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín hoặc toàn văn trên kỉ yếu hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện.

##### 3. Đối với chương trình đào tạo liên kết quốc tế

Luận văn của các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng đối tác nước ngoài cấp bằng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều này;

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể cách thức trình bày luận văn theo yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến luận văn.

## **Điều 42. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn**

### **1. Hướng dẫn luận văn**

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Trong cùng thời gian, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên, cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; người đó được làm người hướng dẫn thứ hai cho tối đa 2 học viên trong cùng thời gian ở tất cả các đơn vị đào tạo.

### **2. Điều kiện bảo vệ luận văn**

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên đối với chương trình đào tạo chuẩn, từ 2,5 trở lên đối với chương trình đào tạo chuẩn quốc tế hoặc chương trình đào tạo chất lượng cao;

b) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ quy định tại Khoản 4, Điều 29 Quy chế này;

c) Có đơn đề nghị được bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 1, Điều 41, Quy chế này;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

### **Điều 43. Hội đồng đánh giá luận văn**

1. Hiệu trưởng trường đại học quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn cho học viên được đào tạo tại đơn vị mình trên cơ sở đề nghị của chủ nhiệm khoa chuyên môn và trưởng phòng quản lý đào tạo sau đại học. Khoa/phòng chuyên môn của các đơn vị này tổ chức cho học viên bảo vệ luận văn. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn cho học viên được đào tạo tại khoa trên cơ sở đề nghị của chủ nhiệm khoa và Trưởng ban Đào tạo; các khoa tổ chức cho học viên bảo vệ luận văn.

Việc thành lập hội đồng đánh giá luận văn được thực hiện trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Điều 41, Điều 42, Quy chế này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có năm thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài đơn vị đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo của học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn;

Đối với luận văn định hướng ứng dụng, trong số các thành viên hội đồng ngoài đơn vị đào tạo phải có tối thiểu một người đang làm công tác thuộc lĩnh vực của đề tài. Trường hợp không có người đang làm công tác thực tế đủ tiêu chuẩn thành viên hội đồng theo quy định trên thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên hoặc tiến sĩ cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài tham gia là ủy viên hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn;

d) Người hướng dẫn luận văn; người là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;

đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 44, Quy chế này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn nếu xảy ra một trong những trường hợp sau: Luận văn chuyển tới các thành viên hội đồng tính đến ngày họp dưới 5 ngày; vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng trường đại học hoặc Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

#### **Điều 44. Đánh giá luận văn**

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn, mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Điều 41 Quy chế này, đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm, do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định hoặc có kết quả ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm chuyển đổi sang hệ điểm chữ đạt từ điểm C trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất. Không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại luận văn nếu luận văn (với đề tài mới) vẫn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo



đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6, Quy chế này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận văn, hồ sơ, thủ tục bảo vệ luận văn, yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện.

#### **Điều 45. Thẩm định luận văn**

##### **1. Hội đồng thẩm định**

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều 41, Quy chế này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng trường đại học hoặc Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản 2, 3, Điều 43 Quy chế này; trong đó, nếu có thành viên thuộc đơn vị đào tạo thì không quá hai người. Thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham gia hội đồng thẩm định.

##### **2. Thẩm định luận văn**

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết nghiên cứu của đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong sử dụng trích dẫn tư liệu của người khác; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, Điều 44 Quy chế này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được đơn vị đào tạo thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

##### **3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu**

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì thủ trưởng đơn vị đào tạo dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ (nếu đã cấp). Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Nếu chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết được nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, Điều 44, Quy chế này. Nếu đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6, Quy chế này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Nếu đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nhưng học viên có nguyện vọng, thì thủ trưởng đơn vị đào tạo giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6, Quy chế này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại các khoản 2, Điều 42; Điều 43 và các khoản 1, 2, 4, Điều 44, Quy chế này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, bảo vệ lại luận văn, thực hiện và bảo vệ luận văn nghiên cứu đề tài mới, do học viên tự chi trả.

## **Chương VI**

### **CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ**

#### **Điều 46. Quản lí phôi bằng**

Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành mẫu phôi bằng, in phôi bằng, quản lí và cấp phôi bằng thạc sĩ cho các đơn vị đào tạo.

#### **Điều 47. Điều kiện tốt nghiệp**

1. Học viên được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Điểm luận văn đạt từ C trở lên;

b) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho đơn vị đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 49 Quy chế này;

c) Đã công bố toàn văn luận văn trên website của Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội;

d) Điều kiện khác do đơn vị đào tạo quy định.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học. Hội đồng do thủ trưởng đơn vị đào tạo hoặc cấp phó được ủy quyền của thủ trưởng đơn vị đào tạo làm chủ tịch, trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận tốt nghiệp.

#### **Điều 48. Công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ**

1. Đơn vị đào tạo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho các học viên đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 47, Quy chế này, trong 02 tháng kể từ ngày học viên bảo vệ luận văn.

2. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ tại các khoa theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp và Trưởng ban Đào tạo.

Hiệu trưởng trường đại học quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp và Trưởng phòng/khoa đào tạo sau đại học.

3. Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, đào tạo theo chương trình chuẩn, chuẩn quốc tế hoặc chất lượng cao), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

4. Học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6 Quy chế này, nếu có yêu cầu thì được thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

5. Đơn vị đào tạo tổ chức lễ trao bằng thạc sĩ cho học viên hoàn thành chương trình đào tạo ở đơn vị mình theo lịch phù hợp với điều kiện của đơn vị, công bố toàn bộ thông tin về cấp bằng thạc sĩ trên website của đơn vị và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, giá trị văn bằng được cấp.

## **Điều 49. Chế độ báo cáo, lưu trữ**

### **1. Chế độ báo cáo**

a) Tháng 12 hàng năm, thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ của đơn vị đào tạo và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau;

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

### **2. Lưu trữ**

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của đơn vị đào tạo phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại đơn vị đào tạo;

c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Chương VII**

### **NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN**

#### **Điều 50. Yêu cầu, trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên**

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

#### 2. Yêu cầu đối với giảng viên

a) Giảng viên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Lí lịch bản thân rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức và tư cách tốt;
- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư. Người có bằng thạc sĩ có thể tham gia phụ giảng một số học phần thực hành trong các chương trình định hướng ứng dụng và được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt;

b) Ngoài các yêu cầu chung của giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ, cán bộ hướng dẫn luận văn phải có những công trình khoa học đã được công bố phù hợp với định hướng chuyên môn của đề tài hướng dẫn cho học viên.

#### 3. Trách nhiệm của giảng viên

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Công chức, Luật Viên chức và pháp luật có liên quan; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo;

b) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tư vấn giúp đỡ học viên trong học tập;

d) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng đề cương học phần, trực tiếp biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy - học;

đ) Nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và ứng dụng thực tiễn;

e) Khai báo đầy đủ và cập nhật thường xuyên hồ sơ cá nhân theo mẫu thống nhất và quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

g) Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu theo định dạng chuẩn để đơn vị đào tạo đăng tải trên website của đơn vị và cung cấp cho website của Đại học Quốc gia Hà Nội;

h) Thực hiện các nhiệm vụ của người hướng dẫn luận văn:

- Xác định kế hoạch và chương trình thực hiện luận văn;
- Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên thực hiện kế hoạch nghiên cứu, thực hành, thực tập, hoàn thành luận văn;
- Định kì nhận xét và báo cáo bộ môn về tình hình, tiến độ học tập, nghiên cứu và kết quả đã đạt được của học viên trong từng năm;
- Xác nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã đạt được, duyệt và đề nghị cho học viên bảo vệ luận văn.

i) Thực hiện các trách nhiệm khác do thủ trưởng đơn vị đào tạo giao;

#### 4. Quyền lợi của giảng viên

a) Được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành của pháp luật và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Được đảm bảo các điều kiện vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học; được cung cấp thông tin và sử dụng các dịch vụ đào tạo, khoa học và công nghệ của đơn vị;

c) Được hưởng thù lao trong đào tạo thạc sĩ theo quy định của Nhà nước, của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

#### 5. Người hướng dẫn luận văn cho học viên có quyền sau:

a) Từ chối hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c, Khoản 1, Điều 42 Quy chế này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ để thực hiện công việc hoặc không tuân thủ sự hướng dẫn, hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

b) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị đơn vị đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 41 Quy chế này.

## **Điều 51. Kỷ luật đối với cán bộ coi thi, tổ chức thi, chấm thi**

Người tham gia công tác coi thi, tổ chức thi, chấm thi vi phạm quy định (bị phát hiện trong hoặc sau khi thực hiện nhiệm vụ), tùy theo mức độ sẽ bị kiểm điểm và thi hành kỷ luật theo các hình thức sau:

1. Khiển trách: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau: đến chậm giờ quy định, không ký vào giấy thi, giấy nháp của học viên, không tập trung khi coi thi, bỏ 1 buổi coi thi không có lý do chính đáng.

2. Cảnh cáo: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi:

a) Bỏ 2 buổi coi thi trở lên không có lý do chính đáng trong một năm học;

b) Trong giờ coi thi bỏ đi làm việc khác;

c) Để học viên quay cóp, mang và sử dụng tài liệu trái phép trong khi thi;

d) Không lập biên bản những học viên đã bị phát hiện có vi phạm quy chế;

đ) Làm mất bài thi;

e) Chấm thi hay cộng điểm bài thi có sai sót nhiều.

3. Hạ tầng công tác hoặc buộc thôi việc được áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Làm lộ đề thi;

b) Đưa đề thi ra ngoài, đưa bài giải từ ngoài vào phòng thi hoặc giúp học viên làm bài thi trong lúc đang thi;

c) Làm lộ phách bài thi;

d) Gian lận trong khi chấm thi; cho điểm không đúng quy định, chủ định tăng hoặc hạ điểm của bài thi so với đáp án;

đ) Sửa chữa, thêm bớt vào bài làm của học viên để tăng hay hạ điểm;

e) Sửa chữa làm sai lệch điểm trên bài thi, biên bản chấm thi hoặc sổ điểm;

f) Đánh tráo bài thi hoặc điểm thi của học viên.

## **Điều 52. Nghĩa vụ của học viên**

1. Thực hiện nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Học viên là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam.

2. Thực hiện nghiêm túc quy chế và nội quy của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

3. Có trách nhiệm khai báo các thông tin liên quan đến cá nhân, cập nhật dữ liệu khi có những thay đổi trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Thực hiện kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học đúng thời hạn quy định theo chương trình, kế hoạch của đơn vị đào tạo; báo cáo đầy đủ và đúng hạn về kết quả học tập, nghiên cứu, rèn luyện và các thông tin khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo.

5. Tham gia các hoạt động như một thành viên của đơn vị đào tạo

a) Tham gia hoạt động đào tạo: trợ giảng, chữa bài tập, hướng dẫn thực hành, thực tập, thực tế, coi thi, chấm bài... theo yêu cầu của người hướng dẫn và kế hoạch, sự phân công của thủ trưởng đơn vị đào tạo và lãnh đạo đơn vị chuyên môn. Định mức hoàn thành công tác này do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

b) Tham gia hoạt động nghiên cứu: tham gia các đề tài nghiên cứu, tham dự các hội nghị, hội thảo chuyên môn,... theo yêu cầu của người hướng dẫn và kế hoạch, sự phân công của thủ trưởng đơn vị đào tạo và lãnh đạo đơn vị chuyên môn. Định mức hoàn thành công tác này do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

6. Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu trong thời gian học tập, nghiên cứu tại đơn vị đào tạo (nếu có) theo định dạng chuẩn để đơn vị đào tạo đăng tải trên website của đơn vị và cung cấp cho website của Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Có ý thức xây dựng, gìn giữ, bảo vệ và phát huy thương hiệu của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị đào tạo.

8. Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện, thực hiện tốt nếp sống văn minh. Tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động về chính trị, tư tưởng, đạo đức của ngành giáo dục và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Những việc học viên không được làm: sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả; vi phạm kỷ luật phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập hộ; sao chép tài liệu mà không trích dẫn hoặc nhờ làm hộ tiểu luận, luận văn, công trình nghiên cứu khoa học; thực hiện, tham gia các hoạt động trái pháp luật.

Học viên không trung thực và có hành vi gian lận trong nghiên cứu khoa học, làm tiểu luận, luận văn bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập một năm đến mức buộc thôi học.



10. Học viên có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về kỷ luật phòng thi, nếu vi phạm sẽ bị kỷ luật ở các mức sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với học viên phạm lỗi 1 lần nhìn bài của người khác, trao đổi bài, thảo luận bài trong giờ thi. Học viên bị khiển trách khi thi học phần nào, bị trừ 25% số điểm đạt được của bài thi học phần đó;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với học viên vi phạm một trong các lỗi:

- Đã bị khiển trách 1 lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định;

- Trao đổi bài làm, giấy nháp với người khác;

- Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau, trừ trường hợp người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng tỏ mình thực sự bị quay cốp thì thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách.

Học viên bị cảnh cáo khi thi học phần nào sẽ bị trừ 50% số điểm đạt được của bài thi học phần đó.

c) Đình chỉ thi: áp dụng đối với học viên vi phạm một trong các lỗi:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định;

- Sau khi đã bóc đề thi bị phát hiện mang theo những vật dụng không được phép;

- Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

Học viên bị kỷ luật đình chỉ thi sẽ bị điểm không (0) bài thi học phần đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định đình chỉ thi.

Các hình thức kỷ luật nói trên do cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và ghi rõ hình thức kỷ luật.

d) Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm nếu vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học nếu vi phạm lần thứ hai.

11. Nộp đủ, đúng các khoản kinh phí theo quy định.

### **Điều 53. Quyền lợi của học viên**

1. Được nhận vào học đúng ngành đã đăng ký dự tuyển khi trúng tuyển.

2. Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong đơn vị đào tạo.

3. Được tạo điều kiện sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của đơn vị đào tạo và cơ sở phối hợp để phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu đã được thông qua.

4. Được thanh toán thù lao tương xứng khi tham gia các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của đơn vị đào tạo.

5. Được bồi hoàn học phí nếu không có lỗi, nhưng do vi phạm của cơ sở đào tạo dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

6. Được đề nghị cơ sở đào tạo thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện luận văn.

7. Được phát biểu ý kiến với người có thẩm quyền của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.

8. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## Chương VIII

### TÀI CHÍNH CHO ĐÀO TẠO

#### **Điều 54. Nguồn tài chính cho đào tạo**

1. Nguồn tài chính cho đào tạo bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, học phí của học viên, kinh phí của các đề tài nghiên cứu khoa học, kinh phí từ hoạt động hợp tác và chuyển giao công nghệ và các nguồn tài trợ khác.

a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước

Đại học Quốc gia Hà Nội phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo định mức và chỉ tiêu đào tạo hàng năm cho các chuyên ngành có chương trình đào tạo tương ứng: chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội, chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao...

b) Tất cả học viên đều phải đóng học phí theo số tín chỉ đăng kí học trong mỗi học kì. Học phí được tính theo công thức:

$$M = a \sum_{i=1}^k h_i n_i$$

trong đó:

- M: Số học phí phải nộp
- a: Định mức học phí cơ bản của một tín chỉ
- k: Tổng số học phần
- $h_i$ : Hệ số học phí của học phần thứ i
- $n_i$ : Số tín chỉ của học phần thứ i

Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng định mức học phí cho một tín chỉ và hệ số học phí của từng học phần cho tất cả các ngành học phù hợp với các quy định chung của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội; các khoa báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi thực hiện; các trường báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi thực hiện mức học phí của các chương trình đào tạo chất lượng cao, chuẩn quốc tế.

- Cách tính học phí trên được áp dụng cho cả các học phần mà học viên phải học lại;

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và công bố rộng rãi cho học viên biết cách thức thu, nộp học phí.

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác

Các nguồn kinh phí hợp pháp dành cho công tác đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định theo tình hình thực tế đảm bảo hiệu quả sử dụng và cân đối giữa các nguồn kinh phí.

2. Sử dụng kinh phí đào tạo

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc sử dụng kinh phí đào tạo theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

b) Đơn vị quản lý nguồn kinh phí đào tạo có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phối hợp tổ chức đào tạo theo tỉ lệ và định mức do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định;

c) Đơn vị được giao quản lý cơ sở vật chất được sử dụng một phần kinh phí phục vụ hoạt động đào tạo để duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất ưu tiên phục vụ công tác đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo

Đơn vị đào tạo xác định tỉ lệ các nguồn kinh phí đào tạo cho từng ngành, chuyên ngành cụ thể. Sau mỗi khóa học, đơn vị đào tạo đánh giá tổng kết tính hiệu quả kinh tế về kinh phí đào tạo của từng ngành, chuyên ngành và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo là một trong những căn cứ quan trọng để Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép tiếp tục đào tạo hay dừng đào tạo một ngành, chuyên ngành.

**Điều 55. Chế độ tài chính đối với học viên người nước ngoài**

1. Đối với học viên người nước ngoài học tập theo Hiệp định do Chính phủ Việt Nam kí với Chính phủ nước ngoài, chế độ học bổng áp dụng theo quy định chung của nhà nước.

2. Học viên người nước ngoài học tập theo chương trình hợp tác, trao đổi giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và đại học đối tác nước ngoài thực hiện theo thỏa thuận kí kết giữa hai bên.

3. Đối với học viên người nước ngoài học tập theo chế độ tự túc, tùy theo ngành, chuyên ngành đào tạo, mức chi trả kinh phí đào tạo cụ thể do thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, phê duyệt.

## **Chương IX**

### **THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 56. Thanh tra, kiểm tra**

1. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng thạc sĩ của đơn vị đào tạo theo các quy định của pháp luật.

3. Đại học Quốc gia Hà Nội chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

#### **Điều 57. Khiếu nại, tố cáo**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của đơn vị đào tạo, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2. Việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 58. Xử lý vi phạm**

##### **1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh**

Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

##### **2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo**

a) Học viên vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ, sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế này.

Người thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học; nếu được phát hiện sau khi cấp bằng thì thủ trưởng đơn vị đào tạo thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã được cấp cho người đó.

b) Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lí, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại đơn vị đào tạo nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm đình chỉ giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm; bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Đơn vị đào tạo vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ, sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác đã được quy định. Trong trường hợp này, thủ trưởng đơn vị đào tạo và những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo về việc xử lý vi phạm của thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương, nơi người đó đang làm việc, cư trú. Cơ quan có thẩm quyền xử lý đơn vị đào tạo vi phạm thông báo cho cơ quan chủ quản và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

## **Chương X**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 59. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2015 trở đi.

2. Các nội dung liên quan đến quy trình đánh giá luận văn (Điều 43, Điều 44, Điều 45), công nhận học vị và cấp bằng (Chương VI) được áp dụng đối với các học viên cao học bảo vệ luận văn sau ngày 01/01/2015.

#### **Điều 60. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Quy chế này, các đơn vị đào tạo có thể ban hành các văn bản chi tiết cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, nhưng không trái với Quy chế này.

2. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế đào tạo ở đơn vị. Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế đào tạo của các đơn vị đào tạo.

3. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**GIÁM ĐỐC**

**Phùng Xuân Nhạ**

## MỤC LỤC

### **Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Mục tiêu đào tạo.....	1
Điều 3. Đơn vị đào tạo thạc sĩ.....	1
Điều 4. Cơ chế quản lí và tổ chức đào tạo.....	3
Điều 5. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng đào tạo.....	4
Điều 6. Hình thức đào tạo, ngôn ngữ và thời gian đào tạo.....	4

### **Chương II. TUYỂN SINH**

Điều 7. Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh.....	5
Điều 8. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	5
Điều 9. Các môn thi tuyển sinh.....	6
Điều 10. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi.....	7
Điều 11. Tổ chức học bổ sung kiến thức.....	8
Điều 12. Đối tượng và điều kiện dự thi.....	8
Điều 13. Đối tượng và chính sách ưu tiên.....	9
Điều 14. Thông báo tuyển sinh.....	10
Điều 15. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi.....	10
Điều 16. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc.....	11
Điều 17. Đề thi tuyển sinh.....	12
Điều 18. Tổ chức thi tuyển sinh.....	14
Điều 19. Chấm thi tuyển sinh.....	14
Điều 20. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển.....	15
Điều 21. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên.....	15
Điều 22. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.....	16
Điều 23. Xét tuyển người nước ngoài.....	16

### **Chương III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Điều 24. Ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo.....	17
---	----



Điều 25. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo .....	18
Điều 26. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo .....	18
Điều 27. Yêu cầu của chương trình đào tạo .....	19
Điều 28. Cấu trúc của chương trình đào tạo .....	20
Điều 29. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	21
Điều 30. Điều kiện mở chương trình đào tạo.....	22
Điều 31. Thẩm quyền xây dựng, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo .....	25
Điều 32. Đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo và thu hồi giao nhiệm vụ đào tạo .....	25

#### **Chương IV. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

Điều 33. Phân công giảng dạy các học phần tại Đại học Quốc gia Hà Nội..	26
Điều 34. Tổ chức đào tạo .....	26
Điều 35. Tổ chức lớp học.....	27
Điều 36. Đăng kí học tập.....	28
Điều 37. Thi, kiểm tra, đánh giá.....	31
Điều 38. Điểm trung bình chung.....	33
Điều 39. Xử lí học vụ.....	34
Điều 40. Chuyển đổi chương trình đào tạo .....	36
Điều 41. Yêu cầu đối với luận văn.....	37

#### **Chương V. LUẬN VĂN VÀ ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN**

Điều 42. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn .....	38
Điều 43. Hội đồng đánh giá luận văn.....	39
Điều 44. Đánh giá luận văn.....	40
Điều 45. Thẩm định luận văn.....	41

#### **Chương VI. CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ**

Điều 46. Quản lí phôi bằng .....	42
Điều 47. Điều kiện tốt nghiệp .....	42
Điều 48. Công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ.....	43
Điều 49. Chế độ báo cáo, lưu trữ .....	44

**Chương VII. NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN**

Điều 50. Yêu cầu, trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên ..... 45  
Điều 51. Kỷ luật đối với cán bộ coi thi, tổ chức thi, chấm thi..... 47  
Điều 52. Nghĩa vụ của học viên ..... 47  
Điều 53. Quyền lợi của học viên..... 49

**Chương VIII. TÀI CHÍNH CHO ĐÀO TẠO**

Điều 54. Nguồn tài chính cho đào tạo..... 51  
Điều 55. Chế độ tài chính đối với học viên người nước ngoài ..... 52

**Chương IX. THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT  
VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 56. Thanh tra, kiểm tra ..... 53  
Điều 57. Khiếu nại, tố cáo..... 53  
Điều 58. Xử lý vi phạm ..... 53

**Chương X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 59. Hiệu lực thi hành ..... 54  
Điều 60. Tổ chức thực hiện..... 54  
MỤC LỤC..... 56